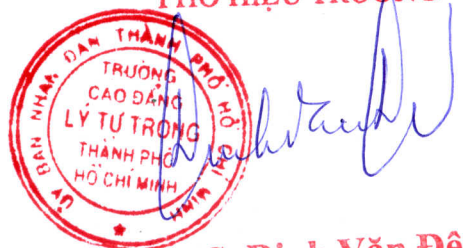


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0211000236	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử cơ bản (ĐĐT, ĐCN, TĐH, CĐT)	0211000037	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Khí cụ điện (ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000248	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật số (ĐĐT, ĐCN, TĐH, CĐT)	0211000091	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Mạch điện (ĐĐT, ĐCN, TĐH, CĐT)	0211002029	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Máy điện (ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000271	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Trang bị điện (TĐH)	0211000295	Tự luận	90'		x	

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử (CNL, KML, VSL)	0211002217	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML, VSL)	0211001346	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, KML, VSL)	0211001347	Tự luận	90'		x	
4	Truyền nhiệt (CNL, KML, VSL)	0211000211	Tự luận	90'	x		

K. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: CƠ KHÍ**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0713001641	Tự luận	90'	x		
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK, CTM)	0211002030	Tự luận	90'	x		
2	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CTM, CĐT)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0211001284	Tự luận	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CCK)	0201002190	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ kỹ thuật (CCK)	0201002266	Tự luận	90'	x		
3	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0201000024	Tự luận	90'	x		
4	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK)	0201000769	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0201000273	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0221000024	Tự luận	90'	x		
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CCK)	0222002190	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0222002420	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK)	0222000769	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0222003074	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Sức bền vật liệu (Strength of Materials) (CCK)	0222003075	Tự luận	90'		x	



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: ĐỘNG LỰC**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0713002179	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0713001629	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0211001473	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0201002189	Tiểu luận				
2	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0201001473	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật điện - điện tử (CNÔ3)	0201000961	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0221002189	Tiểu luận				
2	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0221001473	Trắc nghiệm	60'		x	

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Tin học (NNA)	0713002178	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ sở dữ liệu (CMT, LTM, QTM, TKW, THU)	0211002845	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử cơ bản (CMT)	0211002916	Trắc nghiệm online	60'		x	
3	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT, QTM)	0211002869	Trắc nghiệm online	60'		x	
4	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0211002872	Tiểu luận				
5	Phần cứng và mạng máy tính (LTM, THU, TKW)	0211002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
6	Tin học (CTM, CCK. KXD, CNM, ĐĐT, ĐCN, TĐH, LGT, KTD, QTD, QNH, QLH, TMĐ, CĐT)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tin học (CCK)	0201002028	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (LTM)	0222003072	Tiểu luận				
2	Cơ sở dữ liệu (LTM)	0222002845	Tự luận	90'		x	
3	Lập trình hướng đối tượng (LTM)	0222002999	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình mạng (LTM)	0222003002	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Phần cứng và mạng máy tính (LTM)	0222002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
6	Tin học (CCK)	0222002028	Thi trên máy tính	90'		x	

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
LY TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Thiết kế trang phục 1 (CNM)	0211000909	Tự luận	90'		x	
2	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0211001524	Tự luận	90'		x	

TS. ĐÌNH VĂN ĐỆ
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: KINH TẾ**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS, QNH)	0211002281	Tự luận	90'		x	
2	Bán lẻ điện tử (TMĐ)	0211002838	Tự luận	90'		x	
3	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0211002351	Tự luận	90'	x		
4	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0211002226	Tự luận	90'	x		
5	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QNH)	0211002530	Tự luận	90'	x		
6	Dịch vụ khách hàng (LGT)	0211002042	Tự luận	60'	x		
7	Giao tiếp trong du lịch (QKS, QNH, QLH)	0211002529	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Hành vi tổ chức (QTD)	0211001315	Tự luận	90'		x	
9	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0211003259	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Kinh tế vi mô (QTD, KTD)	0211001308	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0211002045	Tự luận	90'	x		
12	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0211002553	Tiểu luận				
13	Luật du lịch Việt Nam (QLH)	0211002531	Tự luận	90'	x		
14	Luật kinh tế (KTD)	0211002559	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0211003120	Tự luận	90'	x		
16	Marketing căn bản (QTD)	0211001314	Trắc nghiệm	60'		x	
17	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0211002041	Tự luận	60'	x		
18	Marketing điện tử (TMĐ)	0211000550	Tự luận	90'	x		
19	Marketing du lịch (KLB)	0211002393	Tự luận	90'		x	

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
20	Nghệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0211003119	Thực hành	90'		x	
21	Nghệp vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0211002561	Tự luận	90'	x		
22	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0211002562	Tự luận	90'		x	
23	Nguyên lý kế toán (QTD)	0211002018	Trắc nghiệm	60'		x	
24	Nguyên lý thống kê (KTD)	0211001311	Trắc nghiệm	60'		x	
25	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0211002225	Tự luận	90'	x		
26	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0211003121	Tự luận	90'	x		
27	Quản trị học (KTD)	0211002048	Trắc nghiệm	60'		x	
28	Quản trị kho hàng(LGT)	0211002046	Tiểu luận				
29	Quản trị lễ tân (QKS)	0211002564	Tự luận	90'		x	
30	Quản trị tài chính (LGT)	0211002043	Tự luận	90'		x	
31	Quản trị tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0211001544	Tự luận	90'	x		
32	Soạn thảo văn bản (KTD)	0211001835	Tự luận	90'		x	
33	Tác động môi trường của du lịch (QLH)	0211003260	Tự luận	60'		x	
34	Tâm lý khách du lịch (QNH, QLH)	0211002278	Tự luận	90'		x	
35	Tâm lý kinh doanh (QTD)	0211002049	Trắc nghiệm	60'		x	
36	Tâm lý kinh doanh (TMĐ)	0211002091	Trắc nghiệm	60'		x	
37	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0211002876	Tự luận	90'		x	
38	Thủ tục xuất nhập cảnh (QLH)	0211002533	Trắc nghiệm	60'		x	
39	Thương mại điện tử (KTD)	0211002054	Tự luận	90'		x	
40	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0211002394	Trắc nghiệm	60'		x	
41	Tiến trình lịch sử Việt Nam (QLH)	0211002532	Tự luận	90'	x		
42	Tổ chức sự kiện (QNH, QLH)	0211002568	Tự luận	90'		x	

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
43	Tổng quan bếp bánh (KLB)	0211002284	Tự luận	90'		x	
44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khách sạn (QKS)	0211002563	Thực hành				
45	Văn hóa ẩm thực (QKB)	0211002395	Tự luận	90'		x	
46	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0211002536	Tự luận	90'		x	
47	Văn hóa Việt Nam (QLH)	0211002282	Tự luận	90'		x	
48	Xây dựng thực đơn (QNH)	0211002566	Tự luận	90'		x	



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: XÂY DỰNG**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	An toàn lao động (KXD)	0211001820	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ học xây dựng (KXD)	0211002065	Tự luận	90'		x	
3	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0211002064	Tự luận	90'	x		
4	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)	0211002239	Tự luận	90'	x		
5	Trắc địa đại cương (KXD)	0211002066	Tự luận	60'	x		

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Phát âm (NNA)	0713002506	Vấn đáp	120'		x	
2	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0713002071	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0713002201	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0713002087	Vấn đáp	120'		x	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0713002372	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Hoa (NNA)	0713002373	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cú pháp Tiếng Nhật (NTN)	0211003253	Tự luận	60'		x	
2	Đọc (NNA)	0211002057	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Đọc hiểu Tiếng Nhật (NTN)	0211003256	Tự luận	60'		x	
4	Giáo dục quốc phòng và An ninh (CNÔ)	0211001970	Tiểu luận				
5	Kỹ năng thuyết trình (NTN)	0211003258	Vấn đáp	120'		x	
6	Nghe (NNA)	0211001256	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Nghe Tiếng Nhật (NTN)	0211003254	Tự luận	60'		x	
8	Ngữ âm và âm vị học (NNA)	0211000969	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0211002055	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nói (NNA)	0211001257	Vấn đáp	120'		x	

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
11	Nói Tiếng Nhật (NTN)	0211003255	Vấn đáp	120'		x	
12	Tiếng Anh 1 (CNÔ,CNL, KML, VSL, CMT, QTM, TKĐ, TKW)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Tiếng Anh 2 (CNÔ,CNL, KML, VSL, CMT,LTM, QTM, TKĐ, TKW)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Tiếng Anh 3 (CNÔ,CNL, KML, VSL, CMT, LTM, QTM, TKĐ, TKW)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
15	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0211002577	Tiểu luận				
16	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211001593	Vấn đáp	120'		x	
17	Tiếng Nhật du lịch (NTN)	0211003058	Tự luận	60'		x	
18	Viết (NNA)	0211001259	Tự luận	60'		x	
19	Viết Tiếng Nhật (NTN)	0211003257	Tự luận	60'		x	



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2022-2023
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Giáo dục chính trị	0713001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Giáo dục chính trị (CTM, CCK, CNÔ, CNM, CMT, LTM, QTM, THU, TKW, TKĐ)	0211001967	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, CNÔ)	0201001967	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Giáo dục chính trị (CNÔ)	0221001967	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ